

## MỘT SỐ TRẢI NGHIỆM TỪ CÁCH TIẾP CẬN TÂM NHÌN NGÔN NGỮ HỒ CHÍ MINH

GS. TSKH NGUYỄN LAI\*

**Abstract:** Language has both the communicative and the perceptive functions. However, for Hochiminh, the ultimate goal of the communicative and perceptive functions is to stimulate the mass to stand up for a revolutionary action. This is why in studying Hochiminh's language, it is important to pay attention to his insightful and revolutionary language vision which is the motivation for his language usages.

**Key words:** *Hochiminh's language vision, revolutionary action*

Tâm nhìn ngôn ngữ của Hồ Chí Minh trước hết là tâm nhìn thực tiễn của người trực tiếp hành động cách mạng. Sức mạnh thực tiễn này đồng thời cũng là sự tích hợp biện chứng không dễ thấy giữa cách mạng và khoa học - đang đặt ra cần được lí giải - trong chính tâm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh. Trong giai đoạn hiện nay, đi vào *tâm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh*, do vậy, có thể coi là một bước phát triển tất nhiên cần hướng tới trong quá trình nghiên cứu ngôn ngữ Hồ Chí Minh. Trong khi cố gắng tự điều chỉnh tâm nhìn sẵn có để đi vào yêu cầu đặt ra trên, chúng tôi không thể không chú ý đúng mức sự tác động đến ngôn ngữ từ tâm nhìn cách mạng sâu sắc và triệt để của Hồ Chí Minh; đồng thời, mặt khác, cũng không thể lãng tránh hoặc dung tục hóa những vấn đề lí luận chuyên sâu cần cập nhật đang đặt ra trong quá trình nghiên cứu.

Từ giới thuyết trên, câu hỏi đầu tiên cần suy nghĩ của chúng tôi là:

Hồ Chí Minh không đi vào lí luận. Vậy nên bắt đầu từ tiền đề nhận thức nào để có thể nhận dạng tiềm năng lí luận từ sức mạnh thực tiễn trong tâm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh mà ta muốn hướng tới trong giai đoạn nghiên cứu hiện nay?

Về phương diện này, qua trải nghiệm, chúng tôi không thể không suy nghĩ về một quy luật trừu tượng vốn chi phối từ chiều sâu có thể có sau đây: Phải chăng, trong khoa học, đặc biệt là khoa học xã hội, nhiệt tình và tính triệt để cách mạng đôi khi mở ra trong bản thân nó sức sống của một tiền đề chung nào đó cho sự lồng ghép tự nhiên giữa khoa học và cách mạng.

Và trong sự lồng ghép tự nhiên vốn lúc đầu không dễ nhận biết ấy, theo quy luật chung, đối tượng được tạo ra từ cách làm triệt để của hành động thực tiễn cách mạng trở thành

.....

\* ĐH Thái Bình Dương, Nha Trang.

đối tượng tiềm năng cho sự phát hiện mới của tầm nhìn khoa học chuyên sâu... cũng là lẽ đương nhiên. Nghiên cứu để nhận dạng *tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh* trong giai đoạn hiện nay, có lẽ không thể bắt đầu từ một xuất phát điểm - ít ra là như thế - trong nhận thức của chính người nghiên cứu.

Xin được thử nêu một dẫn chứng cụ thể về nhận thức trên qua trải nghiệm:

Chẳng hạn, ai cũng biết, từ quan điểm thực tiễn của mình, Hồ Chí Minh quan tâm đến đối tượng tiếp nhận một cách toàn diện và triệt để khi Người xác lập mô hình *Viết để làm gì, viết cho ai, viết như thế nào*. Ở đây, Hồ Chí Minh không trực tiếp nêu ra vấn đề lí thuyết xác lập thông tin phản hồi hai chiều theo cách diễn giải cập nhật của giới lí luận ngày nay. Nhưng rõ ràng, từ nhiệt tình hành động cách mạng, qua mô hình, Người đã triệt để hướng chúng ta vào hiệu lực cuối cùng của quá trình giao tiếp theo cách tạo nghĩa từ chiều sâu. Tức là, ở đây, muốn *viết như thế nào*, người viết không thể không biết *viết cho ai* và *viết để làm gì*. Qua cách tạo nghĩa từ mô hình, rõ ràng: Hồ Chí Minh luôn luôn tính đến tâm lí và nguyện vọng của quần chúng, lấy đó làm tiền đề phản hồi cho quá trình định hướng xác lập thông tin nhằm tạo hiệu lực tối ưu cho yêu cầu giao tiếp... Phải chăng, tính triệt để về một đường lối quần chúng trong chiến lược giao tiếp (qua mô hình) đã trùng hợp với tinh thần lí thuyết xác lập thông tin hai chiều hiện nay chính là ở cơ chế vừa nêu. Như vậy, nhiệt tình cách mạng và tầm nhìn thực tiễn của Hồ Chí Minh chính là động lực đã đặt thao tác xử lí của Người vào đúng tầm ngắm mới của khoa học hiện nay chính cũng là

ở cơ chế vừa nêu... Trong trường hợp này, để lí giải đúng tầm nhìn của Hồ Chí Minh, rõ ràng, chúng ta không thể không đi vào khoa học chuyên sâu về cơ chế xác lập thông tin theo hướng phản hồi nằm trong lí thuyết thông tin hiện đại...!

Từ trải nghiệm trên, nhìn lại: Phải chăng, lâu nay, khi đi vào chủ đề này, cách nghiên cứu của chúng ta còn dừng lại quá lâu ở miêu tả, chưa đi sâu vào lí giải?!

Đúng vậy! Nhưng hiện nay, để làm được việc này - cũng từ trải nghiệm của mình - tôi thấy sẽ không hoàn toàn đơn giản, nếu chúng ta không thường xuyên cập nhật được tầm nhìn chung đang có của lí luận. Trong đó, chẳng hạn, ở đây, tiêu điểm hàng đầu liên quan đến tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh mà chúng tôi không thể không đề cập, trước hết, có lẽ, đó phải là *chức năng* của ngôn ngữ.

Với cách nhìn cập nhật đang được chia sẻ hiện nay, chúng tôi cho rằng: Chức năng ngôn ngữ ở đây không đơn giản chỉ là mặt đối lập với hình thái của phạm trù hình thái - chức năng nằm trong phạm vi nội tại cấu trúc ngôn ngữ vốn như ta đã hiểu. Nó cũng không chỉ nằm trong thủ tục tạo nghĩa "tại lời" hay "mượn lời",... thường lặp đi lặp lại trong các giáo án, v.v... Trái lại, đơn giản hơn: Nó nằm trong mục đích hành động có định hướng xã hội của con người. Theo tôi, các khuynh hướng mới ngày nay đang gặp nhau ở cách hiểu triệt để hơn về mục đích thực tiễn này. Như vậy, có thể nói, một tiền giả định chung quy định chức năng đã bắt đầu được chia sẻ. Vì sao Halliday [6] phải nhấn mạnh: Cái cốt lõi của chức năng phải là "mục đích sử dụng", là "biểu đạt nghĩa trong

đời sống xã hội”, “biết ngôn ngữ là phải làm gì với ngôn ngữ”... Vì sao Lakoff lại khuyến cáo: Cần phải quan tâm đến cách con người định hướng hành động ngôn ngữ vào tương tác xã hội (xem [3, 147])... Và cũng như vậy, tại sao Stalnaker [10] lại khuyến cáo: "Hành vi ngôn ngữ không phải là hình thức của cử chỉ, mà là kết quả hành động được tạo ra" ( xem [1, 12])...

Cách nhìn từ chia sẻ trên nên được cập nhật như thế nào vào tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh?

Qua trải nghiệm, chúng tôi thấy rất rõ: Nếu chỉ bằng lòng cách hiểu chức năng như trước đây, không đi vào tầm nhìn cập nhật đang được chia sẻ như đã nêu thì ta khó có cơ sở để lí giải, chẳng hạn, vì sao Hồ Chí Minh không nói về chức năng ngôn ngữ theo cách nói của giới ngữ học, nhưng Người lại sớm có thể đưa ra một chiến lược hết sức rõ ràng về phương diện này: *Khi nói khi viết phải làm cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình.* Phải chăng, định hướng chung nhất bắt đầu được chia sẻ trong tầm nhìn cập nhật về chức năng ngày nay quả không phải là điều gì hoàn toàn xa lạ với định hướng trực tiếp chỉ dẫn hành động vừa cụ thể, vừa triệt để, vừa rất hiện ngôn của Hồ Chí Minh... *Khi nói khi viết phải làm cho quần chúng đều hiểu đều tin, đều quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình...* Rõ ràng, đây là một tầm nhìn đã trực tiếp rộng mở vào *định hướng hành động* - điều mà chức năng giao tiếp và nhận thức cuối cùng phải hướng tới. Không làm rõ điều này, ta không thể lí giải rõ được cái bản chất nhất của chức năng đang nằm trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh. Đúng,

“Hồ Chí Minh nói để mà làm”. Thời đại Hồ Chí Minh là thời đại vận động quảng đại quần chúng đứng lên trực tiếp hành động cách mạng. Động lực hành động mới này không thể không tác động mạnh mẽ đến ngôn ngữ - đặc biệt là cơ chế nội hàm của chức năng ngôn ngữ: *hiểu, tin và làm - hiểu tin để mà làm...*

Trải nghiệm cũng chỉ ra rằng: Theo quy luật chung, cách cập nhật phạm trù chức năng không thể không kéo theo những phạm vi cần cập nhật khác đang mặc định trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh...!

Đúng vậy, đi đôi với chức năng ngôn ngữ, chúng tôi không thể không cập nhật tầm nhìn về *hành vi ngôn ngữ* - coi đó như là một tiền đề nhạy bén không thể bỏ qua khi tiếp cận tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh.

Chúng tôi nghĩ rằng, cũng như chức năng, vấn đề hành vi ngôn ngữ hầu như chưa được chúng ta đặt nó vào định hướng hành động xã hội với ý nghĩa thật sự xác định. Như đã nói, chắc chắn không phải hoàn toàn ngẫu nhiên mà trong nghiên cứu mới nhất của mình, Stalnaker lại khuyến cáo "Hành vi ngôn ngữ không phải là hình thức của cử chỉ, mà là kết quả hành động được tạo ra...". Theo chúng tôi, thay vì dừng lại quá lâu ở thủ tục tạo nghĩa trong cách giải thích hành vi ngôn ngữ, có lẽ đã đến lúc nghiên cứu cần đi thẳng vào cách đặt vấn đề theo hướng cập nhật hiện nay. Đó là: 1) Chi khi nào hành vi ngôn ngữ chuyển hóa thành hành vi xã hội thì trong tính hiện thực của nó, ngôn ngữ mới trở thành hành động xã hội. 2) Chi khi nào nằm trong ngôn cảnh, hành vi ngôn ngữ mới trở thành hành vi xã hội...

Từ trải nghiệm có được, chúng tôi cho đây là cách nhìn triết đề nhất. Qua cách nhìn này, có thể kiểm tra đích thực *thế nào* và *khi nào* thì “hành vi ngôn ngữ là hành động xã hội” theo cách nói của Austin - một cách nói vốn được chúng ta sớm chấp nhận nhưng ít được lí giải thật triết đề...

Cũng là rất logic, khi một tiền giả định chung bắt đầu được chia sẻ đối với tầm nhìn cập nhật về chức năng kéo theo tầm nhìn cập nhật về hành vi xã hội của ngôn ngữ... Nhưng, chính trải nghiệm có được này của chúng tôi cũng còn nghiêm khắc chỉ ra rằng: trong tính hiện thực của nó, quá trình “chế biến hành vi ngôn ngữ thành hành động xã hội” không phải là điều dễ nhận dạng trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh.

Tại đây, khi đề cập đến vấn đề này, trước hết, chúng tôi không thể không nghĩ tới cách lí giải sự xuất hiện hệ thống *chỉ dẫn cách dùng* như một chiến lược kích hoạt tương tác hành động xã hội đang mặc định trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh: “Viết để làm gì, viết cho ai, viết như thế nào? Mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cho được cái tư tưởng và lòng ao ước của quần chúng. Trước khi nói cho quần chúng hiểu phải hiểu quần chúng... Khi nói, khi viết phải làm cho quần chúng hiểu tin và quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình”.

Từ trải nghiệm, chúng tôi cũng hiểu được rằng: *Cách dùng* nêu trên của Hồ Chí Minh chính là sản phẩm đúc kết từ trải nghiệm thực tiễn qua hành động tương tác xã hội để tác động trở lại quá trình tương tác xã hội đang diễn ra trong thực tiễn.

Sự chỉ dẫn cách dùng trên, do vậy, nghĩ cho cùng, phải chăng cũng

là cách “hành động ngôn ngữ” của chính Hồ Chí Minh. Trong *cách dùng* được chỉ dẫn trên, rõ ràng, Hồ Chí Minh tập trung chỉ dẫn chúng ta “hành động ngôn ngữ” bằng cách hướng tác động ngôn ngữ thẳng vào con người đang hành động trong môi trường tương tác xã hội. Chẳng hạn, với cách dùng *gia đình quân đội nhân dân, gia đình các dân tộc anh em* của mình, phải chăng, Hồ Chí Minh gợi lên một mẫu mực hành vi mới cần hướng tới: *đoàn kết như một gia đình*, coi đó như “sự chia sẻ ý định và niềm tin” (Stalkaner) trong tương tác quan hệ xã hội mới... Như vậy, *cách dùng* của Hồ Chí Minh ở đây là cách dùng tạo ra sự chuyên hóa hành vi ngôn ngữ thành hành động xã hội với đối tượng xã hội xác định và định hướng hành động xã hội xác định. Không làm rõ cơ chế mặc định này trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh với tính lí giải theo hướng trên, ta khó thấy sức mạnh thực tiễn về chiến lược ngôn từ qua cách dùng của Hồ Chí Minh - một cách dùng hướng vào tương tác xã hội - một cách dùng chỉ dẫn cho con người cách hành động xã hội thông qua ngôn ngữ để biến hành vi ngôn ngữ thành hành động xã hội...

Lí giải theo hướng cập nhật về hành vi ngôn ngữ - qua cách dùng trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh - do vậy, phải chăng cũng là điều kiện để chúng tôi có một cách nhìn cập nhật về văn cảnh?!

Đúng vậy, qua lí giải từ *cách dùng* trên, *văn cảnh* được cập nhật ở đây không chỉ là một không gian vật lí tĩnh tại sẵn có. Mà đây chính là hiện trường đang diễn ra hành động tương tác có định hướng xã hội với cả ý định niềm tin đang được chia sẻ giữa những con người đang hành động tương tác.

Chính cách xác định trên đã làm sáng rõ hơn vì sao trong cách nhìn cập nhật của mình, Halliday lại cho rằng: “Khi nhìn ngôn ngữ theo hướng hành chức về mặt xã hội ngày nay, cần chú ý cách thức mà người sử dụng ngôn ngữ hiện thực hóa nghĩa trong ngôn cảnh”. Và, do vậy, cũng theo Halliday: “...Văn cảnh vừa là hành vi xã hội, vừa là cấu trúc quan hệ, vừa là tổ chức tín hiệu” ( xem [5, 6]). Nhìn rộng ra, cách nhìn văn cảnh theo hướng nhận thức lí thuyết này phải chăng đang có sự tương ứng nào đó với mô hình quy chiếu văn cảnh theo hướng chỉ dẫn thực hành nằm trong chiến lược cách dùng qua tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh: *Viết để làm gì, viết cho ai, viết như thế nào?*

Điều này đã đưa lại cho chúng tôi một suy nghĩ thú vị rộng mở tiếp theo: Nghiên cứu tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh từ tiền đề lí luận cập nhật - về một phương diện nào đó - cũng có nghĩa là tìm cách chỉ ra trạng thái tương ứng theo hướng mặc định lẫn nhau vốn không dễ thấy giữa lí thuyết và thực hành.

Tại đây, để tìm ra một sự tương đồng có thể hiện minh giữa tầm nhìn lí thuyết của Halliday và tầm nhìn thực tiễn của Hồ Chí Minh trong mối liên hệ với cách quy chiếu văn cảnh, chúng tôi không ngần ngại đi vào hai mô hình liên quan đã chỉ ra.

1) Mô hình 1: Quy chiếu cách nhìn văn cảnh theo hướng nhận thức lí luận:

NGÔN CẢNH VỪA LÀ HÀNH VI XÃ HỘI VỪA LÀ CẤU TRÚC QUAN HỆ VỪA LÀ TỔ CHỨC TÍN HIỆU (Halliday)

2) Mô hình 2: Quy chiếu cách nhìn văn cảnh theo hướng chỉ dẫn thực hành:

VIẾT ĐỂ LÀM GÌ? VIẾT CHO AI? VIẾT NHƯ THẾ NÀO? (Hồ Chí Minh)

Đi vào logic biện chứng nội tại cấu trúc, qua so sánh, chúng tôi thấy rằng:

(1) Nếu ở mô hình quy chiếu theo hướng nhận thức lí thuyết của Halliday, HÀNH VI XÃ HỘI là nhân tố chi phối *cấu trúc quan hệ* và *tổ chức tín hiệu* thì ở mô hình quy chiếu theo cách chỉ dẫn thực hành của Hồ Chí Minh, chính VIẾT ĐỂ LÀM GÌ là nhân tố đã chi phối *viết cho ai* và *viết như thế nào*.

(2) Ba câu hỏi liên hoàn chỉ dẫn thực hành của Hồ Chí Minh ứng với cơ chế “văn cảnh ba vế” theo hướng nhận thức lí luận của Halliday có thể được nhận dạng qua cách so sánh mô tả như sau:

a) *Viết để làm gì* của Hồ Chí Minh chính là sự thực tiễn hóa tiêu chí *hành vi xã hội* của Halliday;

b) *Viết cho ai* của Hồ Chí Minh là sự thực tiễn hóa tiêu chí *cấu trúc quan hệ* của Halliday.

c) *Viết như thế nào* của Hồ Chí Minh chính là sự thực tiễn hóa một cách dễ thấy tiêu chí *tổ chức tín hiệu* của Halliday.

Sự trùng hợp thú vị vừa được nêu trên chắc chắn không có gì là quá khó hiểu. Nghĩ cho cùng, phải chăng, đấy cũng chính là cách phát hiện trạng thái đang vừa xác minh cho nhau vừa mặc định lẫn nhau trong sự thống nhất nhưng không đồng nhất giữa lí thuyết và thực hành trong cách quy chiếu. Tại đây, điều đáng chú ý trước hết có lẽ là sự kiểm chứng lí thuyết bằng sức mạnh

thực tiễn từ tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh - đúng vậy, một sự kiểm chứng đáng tin cậy liên quan những gì nằm trong tầm nhìn lí luận cập nhật với thế hội nhập đang được chia sẻ hiện nay.

Mấy ghi nhận chung:

1) Chiến lược ngôn từ qua *cách dùng* trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh - trong mối liên hệ với cách xử lí trên - phải chăng đã thực tiễn hóa được tầm nhìn lí luận cập nhật đang được chúng ta chia sẻ. Chính quá trình thực tiễn hóa mang tính kiểm chứng này đã trở lại làm sáng tỏ hơn: Vì sao chúng ta có thể xác định CÁCH DÙNG như là một CHIẾN LƯỢC NGÔN TỪ trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh - điều mà cho đến nay ít ai đề cập và đây là lần đầu tiên chúng tôi có điều kiện nói đến.

2) Mặt khác, từ chiều sâu của mối liên hệ so sánh lí giải (về *chức năng*, về *hành vi*, về *văn cảnh*) như đã làm, trải nghiệm của chúng tôi còn chỉ ra một điều quan trọng hơn rằng: Lí luận cập nhật đang được chia sẻ trong tầm nhìn mới ngày nay không phải là điều gì quá cao xa. Trái lại, đó là một cách nhìn lí luận đang định hướng ngày càng cụ thể và triệt để vào thực tiễn đời sống xã hội - nơi vốn là hiện trường mà chính từ đó và qua đó Hồ Chí Minh đã đúc kết trải nghiệm, đem lại sức sống thực tiễn cho CÁCH DÙNG như một chiến lược ngôn từ trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh.

3) Cuối cùng, chỉ có lí giải từ chiều sâu theo hướng trên, chúng ta mới nhận rõ đích thực thế nào là cơ chế tích hợp biện chứng giữa cách mạng và khoa học đang mặc định trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh. Và có lẽ

chỉ như thế, về mặt phương pháp chúng ta mới có thể tự mình giải tỏa khỏi những ám ảnh của cách nhìn hình thức... để trở lại chủ động phát hiện tiếp những gì đang còn mặc định không để thấy trong *tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh*.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thị Thực, *Về hành vi ngôn ngữ trong ngữ cảnh*, T/c Ngôn ngữ và Đời sống, Số 3, 2012.
2. E. Agricola, *Semantische Relationen im Text und im System*, Hallr, 1972.
3. G. Lakoff, *Chúng ta sống theo ẩn dụ*, ĐH KHXH Tp HCM, 2008.
4. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Sự Thật, H., 1980 - 1989.
5. Lê Văn Canh, *Noam Chomsky và Michael Halliday*, T/c Ngôn ngữ và Đời sống, Số 12, 2010.
6. M.A.K. Halliday, *Language asocial semiotic: The social interpretation of language and meaning*, Baltimore, 1978.
7. Nguyễn Lai,
  - a. *Những bài giảng về ngôn ngữ học đại cương*, Nxb ĐHQGHN, 1999.
  - b. *Tiếng Việt và Nhà văn hóa lớn Hồ Chí Minh*, Nxb ĐHQGHN, 2003.
8. Nhiều tác giả, *Tâm lí học Liên Xô*, Moskva, 1978.
9. Nhiều tác giả, *Những cơ sở triết học trong ngôn ngữ học*, H., 1984.
10. R. Stalkaner, *Context and content*, Oxford Uni Press, 1999.
11. W. Schmidt, *Grundfragen der deutschen Grammatik*, Berlin, 1977.
12. V. Kutschera, *Sprachphilosophie*, Munchen, 1975.
13. V. Lenin, *Bút ký triết học*, Tập 29, Moskva, 1981.